

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ - ST
Ngày 24/6/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Xuyên và ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/TLST – HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29/4/2021 và thông báo tạm dừng việc xét xử vì lý do dịch bệnh covid giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Quỳnh Ng, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Đặng Việt D, sinh năm: 1983.

Nơi ĐKKHKT: Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Chỗ ở hiện nay: SN A, tổ 4, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: SN A, tổ 4, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Bùi Đức Ch: SN: 1962 và bà Nguyễn Thị Y; SN: 1970; đều trú tại:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Chị Ng, ông Ch, bà Y có mặt, anh D, bà L vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và lời khai trong bản tự khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị Quỳnh Ng trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Bùi Thị Quỳnh Ng và anh Đặng Việt D lấy nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Hai bên kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D nhiều lần có hành vi bạo lực với Chị Ng, đến tháng 4/2020 thì gây sự đuổi ba mẹ con Chị Ng ra khỏi nhà, sau đó thay toàn bộ khóa cửa không cho mẹ con Chị Ng vào nhà, còn anh D dọn đồ đạc chuyển lên nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân anh D không hề thăm nom hay có trách nhiệm gì với các con. Hiện tại Chị Ng không còn tình cảm với anh D vì vậy Chị Ng xin được ly hôn với anh D.

Về con chung, con riêng: Chị Ng khai nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Quốc B, sinh ngày 25/4/2015 và Đặng Gia Q, sinh ngày 26/7/2019. Vợ chồng ly hôn Chị Ng xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

- Tài sản riêng: Không có
- Về tài sản chung: Chị Ng khai nhận vợ chồng có những tài sản sau:

1. Thửa đất số 89, tờ bản đồ 336-c, diện tích 245m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BS 471524, ngày 10/4/2015 (sau đây gọi là thửa 89); địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ. (Nhà và đất hiện do anh D quản lý)

2. Thửa đất số 867, tờ bản đồ 336-c, diện tích 300m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CM 011832; ngày 05/02/2018 (sau đây gọi là thửa 867); địa chỉ thửa đất: Đội 5, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

3. Thửa đất số 394, tờ bản đồ 336-c, diện tích 151m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BS 471955; ngày 12/02/2015; địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

4. Thửa đất số 607, tờ bản đồ 336-c, diện tích 300m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CM 018613, ngày 12/4/2018 (sau đây gọi là thửa 607); địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên Chị Ng khai nhận do anh D đang quản lý.

Quan điểm giải quyết tài sản chung của Chị Ng như sau: Chị Ng có nguyện vọng được sử dụng thửa đất số 89 trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ trên đất vì mảnh đất này có nhà để 3 mẹ con Chị Ng ở và sinh hoạt, mặt khác lại ngay sát nhà bố mẹ đẻ của Chị Ng, tiện cho việc bố mẹ chị giúp chị trong việc chăm sóc, đưa đón các con Chị Ng đi học vì các cháu còn rất nhỏ, bản thân Chị Ng là giáo viên phải đi làm nên thời gian đưa đón con bị hạn chế. Đối với thửa đất số 607 bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh D) có góp số tiền 130.000.000 đồng để mua đất. Hiện tại bà L bị tai biến không nhớ hay biết gì cả, nên để đảm bảo quyền lợi cho bà L, Chị Ng và anh D, Chị Ng đề nghị Tòa án tạm thời không xem xét giải quyết thửa đất này mà để xem xét bằng vụ án khác khi bà L tỉnh táo. Còn các tài sản khác Chị Ng đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Nợ chung: Nợ bà Nguyễn Thị L mẹ đẻ anh D số tiền 130.000.000 đồng là tiền mẹ anh D góp vốn với vợ chồng để mua thửa đất số 607.

- Nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 bị đơn anh Đặng Việt D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh D thừa nhận anh và Chị Ng kết năm 2014, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. anh D và Chị Ng đều nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa. Nay Chị Ng xin ly hôn anh D Đồng ý.

Về con chung: anh D công nhận vợ chồng có 02 con chung như ý kiến của Chị Ng. Quan điểm của anh D đề nghị được nuôi cháu Đặng Quốc B và đồng ý để cháu Đặng Gia Quý cho Chị Ng nuôi dưỡng. Do mỗi bên nuôi 01 con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản:

- *Tài sản riêng:* Không có

- *Tài sản chung:* anh D công nhận vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà xây và 04 mảnh đất như Chị Ng đã khai nhận. Quan điểm của anh D về việc giải quyết tài sản chung như sau:

Chị Nga được sử dụng và quản lý thửa đất số 89, tờ bản đồ 336- c, trên đất có 01 nhà xây cấp 4.

Các thửa đất còn lại gồm: Thửa đất số 867, số 394, số 607 thuộc quyền sở hữu của anh D vì nguồn gốc các tài sản chung của vợ chồng là tiền của cá nhân anh D làm ra bao gồm tiền đi làm, tiền lương, tiền thưởng từ năm 2006, tích cóp có được trước khi kết hôn và một phần sau thời điểm kết hôn.

Tuy nhiên tại văn bản ngày 01/4/2021 anh D cho rằng giữa Chị Ng và anh D không có tài sản chung, việc tạo lập tài sản là do anh D gây dựng lên Chị Ng không liên quan. Tài sản 04 mảnh đất là do anh D nhờ Chị Ng đứng tên hộ, chứ thực ra Chị Ng không phải đóng góp gì, có vai trò gì. Hiện tại mọi giấy tờ đất đai anh D đều thế chấp, cầm cố để có tiền mua bán giao dịch.

- *Nợ phải trả:*

+ Nợ bà Nguyễn Thị L mẹ đẻ anh D số tiền 130.000.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 đồng. Quan điểm của anh D mỗi người phải trả 75.000.000 đồng.

+ Nợ bạn bè 100.000.000 đồng để lo việc cho Chị Ng. Quan điểm của anh D yêu cầu Chị Ng phải trả cho anh D 100.000.000 đồng mà anh D đã vay hộ để lo công việc hiện tại cho Chị Ng.

Ngày 29/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên mở phiên tòa xét xử, anh D vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; phiên tòa được mở lại vào ngày 24/6/2021 anh D vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 53, 56, 69, 81, 82, 83, 84, 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu Bùi Thị Quỳnh Ng được ly hôn với anh Đặng Việt D. Giao cháu Đặng Quốc B và cháu Đặng Gia Q cho Chị Ng nuôi dưỡng, chấp nhận việc Chị Ng không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Đối với các thửa đất số 89, 867, 394; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia tài sản cho hai bên, mỗi bên được $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung, trong đó xem xét chấp nhận yêu cầu của Chị Ng, được quản lý, sử dụng thửa đất số 89 cùng công trình trên đất, người này sẽ thanh toán phần giá trị chênh lệch cho người kia.

Về nợ chung: anh D có khai anh còn một số khoản nợ khác trong quá trình làm ăn, mua bán đất và xin việc cho Chị Ng mà Chị Ng không biết, nhưng anh D không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, vì vậy không có cơ sở để xem xét, giải quyết các khoản nợ này. Chị Ng và anh D đều thừa nhận bà L có góp số tiền 130.000.000 đồng để mua thửa đất 607, đề nghị tách ra để giải quyết cùng với thửa đất số 607.

* Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chị Ng phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định. anh D và Chị Ng mỗi người phải chịu chi phí định giá tương ứng với giá trị phần tài sản mà người đó được chia.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn Bùi Thị Quỳnh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản mà họ được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Bùi Thị Quỳnh Ng xin ly hôn với anh Đặng Việt D và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Đặng Việt D có hộ khẩu thường trú tại xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Nga và anh D kết hôn năm 2014, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Quỳnh Ng và anh Đặng Việt D đều thừa nhận hai bên đăng ký kết hôn năm 2014 trên tinh thần tự nguyện, không ai bị ép buộc nên hôn nhân của Chị Ng và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn Chị Ng cho rằng anh D thường xuyên có hành vi bạo lực với Chị Ng còn anh D cho rằng mâu thuẫn là do 2 người bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Nay Chị Ng ly hôn anh D đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ly thân hai bên không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho Chị Ng được ly hôn anh D.

[5]. Về con chung, con riêng: Chị Ng và anh D có 02 con chung là cháu Đặng Quốc B và Đặng Gia Q. Vợ chồng ly hôn Chị Ng xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. anh D xin được nuôi cháu Bảo và đồng ý để cháu Quý cho Chị Ng nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Giữa Chị Ng và anh D có tranh chấp về việc nuôi dưỡng cháu Đặng Quốc B. Trong các văn bản gửi Tòa án Chị Ng trình bày, trong thời gian ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, anh D không có trách nhiệm gì với các con, việc chăm sóc nuôi dưỡng các con do một mình Chị Ng chịu trách nhiệm, anh chị có nhà riêng tuy nhiên

anh D đã đuổi ba mẹ con ra khỏi nhà khóa cửa lại không cho vào ở mà bản thân anh D cũng không ở đó, khiến ba mẹ con phải tá túc nhà ông bà ngoại, nếu không thì không biết ba mẹ con phải sống như thế nào, nếu anh D là một người thương các con thì đã không đuổi ba mẹ con ra khỏi nhà như vậy. Trong quá trình giải quyết tài sản anh D chỉ lo giữ các tài sản cho mình và tìm cách phủ nhận hết công sức của Chị Ng, có lần anh D đánh Chị Ng trước mặt cháu Bảo nên cháu vẫn còn ấn tượng đến giờ vì vậy Chị Ng không đồng ý giao cháu Bảo cho anh D nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của Chị Ng và anh D đều chính đáng và cần được xem xét vì cả anh D và Chị Ng đều có điều kiện để được nuôi con. Tuy nhiên cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa anh D đều vắng mặt, cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh anh D có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con theo yêu cầu của Tòa án. Mặc dù anh D có mặt tại nơi cư trú nhưng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án chuyển giao cho anh D gây khó khăn cho việc tổng đạt. Do anh D không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng Quốc B của anh D. Đối với cháu Đặng Gia Quý chưa đủ 03 tuổi Chị Ng và anh D cũng không có tranh chấp gì về việc Chị Ng trực tiếp nuôi cháu nên việc Chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quý là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Ng là giáo viên có mức thu nhập hàng tháng là 6.000.000 đồng, ngoài ra chị còn cùng bố mẹ chăn nuôi lợn, gà, trồng trọt hoa màu để có thêm thu nhập, Chị Ng còn được chính quyền địa phương và trường học nơi Chị Ng đang công tác xác nhận Chị Ng có đủ tư cách, phẩm chất đạo đức để nuôi con. Chị Ng có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đặng Quốc B và Đặng Gia Quý cho Chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ng không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng: anh D và Chị Ng khai nhận không có

[6.2]. Tài sản chung: anh D và Chị Ng hiện đang tranh chấp các tài sản sau:

- Thừa đất số 89, địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ.

- Thừa đất số 867, địa chỉ thửa đất: Đội 5, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Thừa đất số 394, địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Thừa đất số 607, địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

[6.2.1]. Xét yêu cầu của Chị Ng:

- Đối với thửa đất 607, căn cứ vào lời khai của Chị Ng và anh D, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do anh D giao nộp thì mảnh đất này có một phần tiền là 130.000.000 đồng của mẹ anh D là bà Nguyễn Thị L góp vốn theo hợp đồng góp vốn ngày 09/01/2018. Trong hợp đồng có thỏa thuận "Sau này nếu có bán thì sẽ tính theo tỷ lệ góp vốn". Tuy nhiên hiện tại bà L bị tai biến hiện đang đi chữa bệnh tại Hà Nội, Chị Ng và anh D đều thừa nhận việc này, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà L sinh sống thì được biết bà L hiện không có mặt tại địa phương việc bà L không có mặt tại địa phương vì lý do gì chính quyền không biết vì bà L không khai báo. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2021, Chị Ng xin được rút yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất này với lý do bà Nguyễn Thị L hiện tại bị tai biến, đang đi điều trị ở Hà Nội nên để đảm bảo quyền lợi cho bà L, Chị Ng và anh D, Chị Ng đề nghị Tòa án tạm thời không xem xét giải quyết thửa đất này mà để xem xét bằng vụ án khác khi bà L tỉnh táo. Theo yêu cầu của VKSND huyện Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã đưa bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và triệu tập đến phiên tòa. Hiện tại bà L đã có mặt tại địa phương nhưng các văn bản của Tòa án giao cho bà L và chồng bà L đều không nhận. Để đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Chị Ng không xem xét thửa đất 607 trong vụ án này mà để xem xét bằng vụ án khác khi một hoặc các các bên có yêu cầu. Hội Đồng xét xử tạm giao cho anh D quản lý, trông coi thửa đất này, trong thời gian quản lý, trông coi anh D không được chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc định đoạt tài sản này bằng hình thức khác khi không có sự đồng ý hay ủy quyền của Chị Ng và bà L

- Đối với các thửa đất 89, 867, 394, tại bản tự khai ngày 23/10/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2021 anh D thừa nhận vợ chồng có các tài sản nêu trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có xem xét đến công sức đóng góp của các bên. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2021 anh D khai nhận đối với thửa 607 có tiền góp vốn của mẹ anh D, 03 mảnh đất còn lại khi hình thành lên anh D phải vay mượn, việc Chị Ng đứng tên chỉ là nhờ đứng tên hộ, nên để sau này tránh phải tranh chấp kiện tụng, nợ nần anh D đã cầm cố và trả lại bằng 03 giấy chứng nhận của 03 thửa đất nêu trên. Ngày 25/3/2021, Tòa án đã có văn bản số 03/2021/QĐ-CCTLCC yêu cầu anh D cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc cầm cố, thế chấp trả nợ khoản tiền đã vay để mua 04 mảnh đất. Tại văn bản ngày 01/4/2021, anh D trả lời không cung cấp danh tính của những người anh D đã vay mượn tiền mua đất, đã cầm cố, thế chấp đất và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác. Do vậy Tòa án không có căn cứ để xem xét ý kiến của anh D. Các thửa đất 89, 867, 394 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đứng tên của Chị Ng và anh D theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quyền sử dụng đất của các thửa đất 89, 867, 394 là tài sản chung của Chị Ng và anh D, do Chị Ng và anh D không thỏa thuận được việc giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. anh D cho rằng tiền mua các mảnh đất này bao gồm tiền

đi làm, tiền lương, tiền thưởng từ năm 2006, tích cóp có được trước khi kết hôn và một phần sau thời điểm kết hôn nên nó là tài sản riêng của anh D, Chị Ng chỉ là người được anh D nhờ đứng tên hộ là không có căn cứ và không được pháp luật công nhận. anh D và Chị Ng đều là công chức Nhà nước có thu thập hàng tháng anh D có cung cấp các tài liệu chứng minh anh D có các thu thập từ việc dạy thêm tuy nhiên các thu thập này đều được coi là tài sản chung theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử sẽ căn cứ các khoản 1,2,3,4 và 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết.

- Thừa đất số 89 nguồn gốc của thửa đất là do Chị Ng và anh D nhận chuyển nhượng của ông Bùi Đức Ch và bà Nguyễn Thị Y (bố mẹ của Chị Ng) tuy nhiên khi xem xét thẩm định tại chỗ và trên cơ sở tài liệu do anh D, ông Ch cung cấp là giấy chuyển nhượng đất ở ngày 06/01/2015, thì ngoài diện tích 245m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất này còn một phần đất hoang hóa có chiều rộng là 03 m, chiều sâu 25 m, diện tích là 75 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cả phần diện tích đất 75 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2021 và tại phiên tòa ông Ch và bà Y không có ý kiến gì về việc giải quyết diện tích đất này của anh D, xét đề nghị của anh D là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận. Trên đất còn có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ. Thửa đất này đối với phần diện tích đất 245 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất định giá là: 250.000.000 đồng, phần đất hoang hóa 75 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất định giá là: 30.000.000 đồng. Nhà và công trình phụ trên đất định giá là: 114.974.603 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là: 394.974.603 đồng. Chị Ng có nguyện vọng được sở hữu tài sản này vì mảnh đất này có nhà để 3 mẹ con Chị Ng ở và sinh hoạt, mặt khác lại ngay sát nhà bố mẹ đẻ của Chị Ng, tiện cho việc bố mẹ chị giúp chị trong việc chăm sóc, đưa đón các con Chị Ng đi học vì các cháu còn rất nhỏ, bản thân Chị Ng là giáo viên phải đi làm nên thời gian đưa đón con bị hạn chế xét đề nghị của Chị Ng là chính đáng, đảm bảo cho mẹ con Chị Ng có một mái nhà để sinh hoạt phù hợp với khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội Đồng xét xử chấp nhận Chị Ng được quyền sử dụng thửa đất số 89 và sở hữu 01 nhà xây cấp 4 cùng công trình phụ trên đất. Vị trí thửa đất, nhà và công trình trên đất: Phía Bắc giáp đất nhà ông Chính có chiều dài 10 m; phía Nam giáp đường ngõ 02m có chiều dài 10 m; phía Đông giáp diện tích đất 75m² anh D, Chị Ng nhận chuyển nhượng lại của ông bà Chính, Yên có chiều dài 24,5 m; phía Tây giáp đất ông Chính có chiều dài là 24,5 m. Ngoài ra Chị Ng còn được quyền sử dụng diện tích đất hoang hóa là 75 m² tiếp giáp với thửa đất 89 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có vị trí: Phía bắc giáp đất ông Chính chiều dài là 3 m; phía Nam giáp đường ngõ 02 m có chiều dài là: 3 m; phía Tây giáp đất Chị Ng có chiều dài là: 24,5m theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 254-2021 của Trung tâm quản lý đất đai huyện Điện Biên. Tổng giá trị nhà và đất là: 394.974.603 đồng. (Nhà và đất hiện do anh D quản lý).

- Thửa đất số 867, tờ bản đồ 336-c, diện tích 300m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CM 011832; ngày 05/02/2018; địa chỉ thửa đất: Đội 5, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; vị trí của thửa đất: Phía Bắc giáp đất bà Hoa có chiều dài là 10 m; phía Nam giáp đường bê tông 3,6 m có chiều dài là 10 m; phía Tây giáp đất nhà bà Hiền có chiều dài là: 30 m; phía Đông giáp đất bà Hoa có chiều dài là: 30m. Theo sơ đồ mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 256-2021 của Trung tâm quản lý đất đai huyện Điện Biên. Thửa đất có giá trị là: 400.000.000 đồng Hội đồng xét xử giao cho anh D sử dụng.

- Thửa đất số 394, tờ bản đồ 336-c, diện tích 151m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BS 471955; ngày 12/02/2015; địa chỉ thửa đất: Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Vị trí của thửa đất: Phía Bắc giáp đất ông bà Hoạt có chiều dài là 30,2 m; phía Nam giáp đất ông Nghiệp có chiều dài là 30,2m; phía Tây giáp đường bê tông 3m có chiều dài là: 05 m; phía Đông giáp đất ông Dũng, ông Biền có chiều dài là: 05m. Theo sơ đồ mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 257-2021 của Trung tâm quản lý đất đai huyện Điện Biên. Mảnh đất có giá trị là: 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử giao cho Chị Ng sử dụng.

- Tổng giá trị tài sản Chị Ng được chia là:

+ Giá trị thửa đất số 89, diện tích hoang hóa 75 m², giá trị nhà, công trình trên đất là: 250.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 114.974.603 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là: 394.974.603 đồng + Giá trị thửa đất 394 là: 200.000.000 đồng.

+ Giá trị các tài sản Chị Ng được chia là: 594.974.997 đồng (394.974.603 đồng + 200.000.000 đồng = 594.974.997 đồng)

- Tổng giá trị tài sản anh D được chia là: Thửa đất số 867 có giá trị 400.000.000 đồng.

- Chị Ng phải thanh toán 1/2 giá trị chênh lệch tài sản cho anh D là:

97.487.498 [(594.974.997 đồng - 400.000.000 đồng) : 2 = 97.487.498 đồng].

- Giá trị tài sản Chị Ng được hưởng là: 594.974.997 đồng - 97.487.498 đồng = 497.487.498 đồng

- Giá trị tài sản anh D được hưởng là: 400.000.000 đồng + 97.487.498 đồng = 497.487.498 đồng

[6.4]. Nợ chung: Do Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với thửa đất số 607, tờ bản đồ 336-e, diện tích 300m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CM 018613, ngày 12/4/2018; địa chỉ thửa đất: Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên khoản tiền bà L góp

vốn để mua mảnh đất này cũng không được xem xét giải quyết. Việc xem xét, giải quyết khoản tiền 130.000.000 đồng bà L góp vốn cùng anh Chị Ng Dũng để mua mảnh đất này sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[7]. Về án phí và các chi phí tố tụng:

[7]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[7.1]. Chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết: 7.120.000 đồng; trong đó: chi phí đo đạc in sơ đồ thửa đất là: 5.520.000 đồng; chi phí cho hội đồng xem xét thẩm định: 1.600.000 đồng.

- Chi phí định giá hết: 2.000.000 đồng.

- Chị Ng và anh D mỗi người đã nộp tạm ứng: 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Căn cứ Khoản 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự Chị Ng phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 7.120.000 đồng; Chị Ng đã nộp 5.000.000 đồng Chị Ng còn phải nộp tiếp số tiền: 2.120.000 đồng. anh D không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ vì vậy hoàn trả cho anh D số tiền: 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Căn cứ Khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì Chị Ng và anh D mỗi người phải chịu 1/2 chi phí định giá là: 2.000.000 đồng : 2 = 1.000.000 đồng. Chị Ng và anh D mỗi người đã nộp 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí định giá.

Hoàn cho Chị Ng số tiền 4.000.000 đồng tiền chi phí định giá còn thừa nhưng được trừ vào số tiền 2.120.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ Chị Ng còn thiếu. Chị Ng được nhận lại: 1.880.000 đồng.

Hoàn trả cho anh D 4.000.000 đồng tiền chi phí định giá còn thừa. Tổng số tiền anh D được nhận lại là: 9.000.0000 đồng.

[7.2]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2.1]. Chị Ng phải chịu các khoản án phí sau:

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn: 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000775, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị Ng đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản được chia là: 497.487.498 đồng X 5% = 24.874.374 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 25.000.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000775, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị Ng được hoàn lại số tiền chênh lệch là: 125.625 đồng.

[7.2.2]. anh D phải chịu các khoản án phí sau:

- Án phí dân sự có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản được chia là:
497.487.498 đồng X 5% = 24.874.374 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Bùi Thị Quỳnh Ng được ly hôn với bị đơn anh Đặng Việt D.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Quốc B, sinh ngày 25/4/2015 và cháu Đặng Gia Quý, sinh ngày 26/7/2019 cho chị Bùi Thị Quỳnh Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo và cháu Quý thành niên và có khả năng lao động. Chị Ng không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

3.1 Tài sản riêng: Không có

3.2 Tài sản chung:

3.2.1. Chị Ng được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ 336-c, có diện tích 245m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BS 471524 ngày 10/4/2015; quyền sở hữu 01 nhà xây cấp 4 cùng công trình phụ trên thửa

đất số 89. Địa chỉ:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Giá trị nhà và đất là: 394.974.603 đồng.(Nhà và đất hiện do anh D quản lý)

- Quyền sử dụng diện tích đất hoang hóa 75 m² liền kề thửa đất số 89 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có vị trí: Phía bắc giáp đất ông Chính chiều dài là 3m; phía Nam giáp đường ngõ chiều dài là: 3m; phía Tây giáp đất Chị Ng chiều dài là: 24,5m; phía Đông giáp đất ông Chính có chiều dài: 25 m; theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 254-2021 của Trung tâm quản lý đất đai huyện Điện Biên. Giá trị thửa đất là: 30.000.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 394, tờ bản đồ 336-c, có diện tích 151m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BS 471955; ngày 12/10/2015; địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Vị trí của thửa đất: Phía Bắc giáp đất ông bà Hoạt có chiều dài là 30,2 m; phía Nam giáp đất ông Nghiệp có chiều dài là 30,2m; phía Tây giáp đường bê tông 3m có chiều dài là: 05 m; phía Đông giáp đất ông Dũng, ông Biền có chiều dài là: 05m. Theo sơ đồ mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 257-2021 của Trung tâm quản lý đất đai huyện Điện Biên. Mảnh đất có giá trị là: 200.000.000 đồng.

3.2.2. Chị Ng có nghĩa vụ: Thanh toán cho anh D giá trị chênh lệch tài sản là: 97.487.498 đồng.

3.2.3 Giá trị tài sản Chị Ng được hưởng là: 497.487.498 đồng

3.2.4. anh D được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 867, tờ bản đồ 336-c, diện tích 300m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CM 011832; ngày 05/02/2018; địa chỉ thửa đất: Đội 5, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Giá trị thửa đất là: 400.000.000 đồng.

- Quyền sở hữu giá trị chênh lệch tài sản do Chị Ng phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh D là: 97.487.498 đồng.

- Giá trị tài sản anh D được hưởng là: 497.487.498 đồng

3.2.5. anh D có nghĩa vụ:

- Bàn giao thửa đất số 89; 01 nhà xây cấp 4 cùng công trình phụ trên thửa đất số 89 và 75 m² diện tích hoang hóa liền kề thửa 89; giấy nhận quyền sử dụng đất thửa số 89, thửa số 394 cho Chị Ng quản lý, sử dụng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3.2.6. Tạm giao cho anh D quản lý, trông coi thửa đất 607, tờ bản đồ 336-e, diện tích 300m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CM 018613, ngày 12/4/2018; địa chỉ thửa đất:Đội A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trong thời gian quản lý, trông coi anh D không được quyền chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc định đoạt tài sản này bằng các hình thức khác khi không có sự đồng ý hay ủy quyền của Chị Ng và bà L.

4. *Nợ phải trả:* Không xem xét, giải quyết khoản tiền 130.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị L góp vốn cùng anh Chị Ng Dũng để mua thửa đất 607, tờ bản đồ 336-e, diện tích 300m², được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CM 018613, ngày 12/4/2018; Việc giải quyết khoản tiền này sẽ được xem xét cùng với việc giải quyết thửa đất 607 khi một hoặc các bên có yêu cầu.

5. Về chi phí tố tụng và án phí

5.1. Về chi phí tố tụng

5.1.1. *Chị Ng phải chịu các chi phí tố tụng sau:*

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 7.120.000 đồng
- Chi phí định giá: 1.000.000 đồng
- Hoàn trả cho Chị Ng số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa: 1.880.000 đồng.

5.1.2. *anh D phải chịu các chi phí tố tụng sau:*

- Chi phí định giá: 1.000.000 đồng
- Hoàn trả cho anh D số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa: 9.000.000 đồng.

5.2. Về án phí

5.2.1. *Chị Ng phải chịu các loại án phí sau:*

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn: 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000775, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị Ng đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự có giá ngạch là: 24.874.374 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 25.000.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000775, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị Ng được hoàn lại số tiền chênh lệch là: 125.625 đồng.

5.2.2. *anh D phải chịu:* Án phí dân sự có giá ngạch là: 24.874.374 đồng

6. Về quyền kháng cáo: Chị Ng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2021). anh D được quyền kháng cáo bản án, bà L được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thu Hương

